ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Tâm lý học
Khóa: 2026
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**28**	**319**	**101**		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
4	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
5	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
6	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
7	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
8	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
9	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
10	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
11	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
12	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
13	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
		Học phần tự chọn	**10**	**135**	**15**		
14	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
15	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
16	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**35**	**345**	**180**		
17	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
18	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	4	50	10		
19	32031413	Lịch sử tâm lý học	3	30	15		
20	32031114	Công tác xã hội	3	30	15		
21	32031011	Tâm lý học đại cương 1	3	30	15		
22	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
23	32034730	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	3	30	15		
24	32028038	Giáo dục học	2	15	15		
25	32038094	Tâm lý học đại cương 2	3	30	15	32031011	
		Học phần tự chọn	**10**	**90**	**60**		
26	32027037	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	15	15		
27	32038011	*Truyền thông và giáo dục sức khỏe*	3	30	15		
28	32028013	*Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể*	2	15	15		
29	32038456	*Khoa học não bộ và hành vi*	3	30	15		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**75**	**552**	**573**		
30	32038014	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học	3	25	20		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
31	32038053	Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	3	30	15		
32	32048044	Tâm bệnh học	4	40	20		
33	32038042	Thực hành tham vấn	3	0	45	32031732	
34	32048041	Thực hành chẩn đoán tâm lý	4	0	60	32031712	
35	32038034	Tiếng Anh chuyên ngành	3	15	30	32038094; 32031011	
36	32048017	Thực hành tâm lý học	4	0	60	32031011 32038094 32041726	
37	32028016	Đạo đức nghề nghiệp	2	20	10		
38	32038015	Thực hành nghiên cứu tâm lý học	3	0	45	32038014*	
39	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	3	30	15		
40	32031025	Tâm lý học trị liệu	3	30	15	32048044	
41	32031736	Tâm lý học xã hội	3	30	15	32038094	
42	32031732	Tham vấn	3	30	15	32041726	
43	32031727	Tâm lý học quản lý	3	30	15		
44	32041726	Tâm lý học phát triển 2	4	45	15	32038094 32031725 32031011*	
45	32031725	Tâm lý học phát triển 1	3	30	15	32038094; 32031011*	
46	32031722	Tâm lý học nhân cách	3	30	15		
47	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
48	32031718	Tâm lý học gia đình	3	30	15		
		Học phần tự chọn	**15**	**105**	**120**		
49	32061069	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		
50	32038045	*Tâm lý học trẻ khuyết tật*	3	30	15		
51	32038046	*Tâm lý học pháp lý*	3	30	15		
52	32038745	*Ứng dụng công nghệ trong hỗ trợ tâm lý*	3	45	0		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**6**	**0**	**120**		
53	32021852	Thực tế tâm lý học	2	0	60		
54	32048049	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60		
Khối kiến thức: ĐỊNH HƯỚNG TRƯỜNG HỌC			**20**	**150**	**225**		
		Học phần tự chọn	**20**	**150**	**225**		
55	32038019	*Quản lý hành vi học sinh*	3	30	15	32041726	
56	32038020	*Chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường*	3	30	15		
57	32038036	*Thực hành Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống*	3	0	90	32038053	
58	32038037	*Giáo dục hòa nhập*	3	30	15		
59	32038048	*Hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học*	3	30	15		
60	32038678	*Tâm lý học hướng nghiệp*	3	30	15		
61	32028723	*Thực hành chăm sóc sức khoẻ tâm thần học đường*	2	0	60	32038020	
Khối kiến thức: ĐỊNH HƯỚNG LÂM SÀNG			**20**	**162**	**138**		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
		Học phần tự chọn	**20**	**162**	**138**		
62	32038023	*Tâm lý học lâm sàng*	3	30	15		
63	32038025	*Liệu pháp chánh niệm*	3	20	25	32048044* 32028026	
64	32028026	*Định hình trường hợp*	2	22	8	32048044* 32038047 32031025	
65	32038027	*Liệu pháp Doshahou*	3	30	15	32048044* 32028026	
66	32038047	*Thực hành tâm bệnh học*	3	0	45	32048044	
67	32038222	*Liệu pháp nhận thức hành vi*	3	30	15	32048044* 32028026	
68	32038542	*Đánh giá và can thiệp các rối loạn phát triển*	3	30	15		
TẠO			**184**	**1528**	**1337**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**109**	**886**	**779**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**21**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH | **TRƯỞNG KHOA** | **KT. HIỆU TRƯỞNG**
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Thanh Diệu

TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Tâm lý học
Khóa: 2026
Trình độ: Đại học
Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031011	Tâm lý học đại cương 1	3	30	15		
	32031114	Công tác xã hội	3	30	15		
	32031413	Lịch sử tâm lý học	3	30	15		
	32034730	Kỹ năng giao tiếp và ứng xử	3	30	15		
	32041244	Giải phẫu và sinh lý hoạt động thần kinh cấp cao	4	50	10		
1		**Số tín chỉ trong kỳ**	**19**	**200**	**85**		
	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	32028038	Giáo dục học	2	15	15		
	32038094	Tâm lý học đại cương 2	3	30	15	32031011	
		Học phần tự chọn					
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	32028013	*Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể*	2	15	15		
	32038456	*Khoa học não bộ và hành vi*	3	30	15		
	32038745	*Ứng dụng công nghệ trong hỗ trợ tâm lý*	3	45	0		
2		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**207**	**93**		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	(0)	(0)	(60)		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	32028016	Đạo đức nghề nghiệp	2	20	10		
	32031725	Tâm lý học phát triển 1	3	30	15	32038094; 32031011*	
	32031736	Tâm lý học xã hội	3	30	15	32038094	
		Học phần tự chọn					
	32038011	*Truyền thông và giáo dục sức khỏe*	3	30	15		
	32038045	*Tâm lý học trẻ khuyết tật*	3	30	15		
	32038046	*Tâm lý học pháp lý*	3	30	15		
3		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**200**	**100**		
	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31822002	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội	2	20	10		
	32031722	Tâm lý học nhân cách	3	30	15		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	32038014	Thiết kế nghiên cứu trong tâm lý học	3	25	20		
	32041726	Tâm lý học phát triển 2	4	45	15	32038094 32031725 32031011*	
		Học phần tự chọn					
	32038048	*Hoạt động hỗ trợ tâm lý trong trường học*	3	30	15		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
4		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**217**	**83**		
	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31722001	Mỹ học đại cương	2	15	15		
	32021852	Thực tế tâm lý học	2	0	60		
	32038015	Thực hành nghiên cứu tâm lý học	3	0	45	32038014*	
	32048017	Thực hành tâm lý học	4	0	60	32031011 32038094 32041726	
		Học phần tự chọn					
	32038678	*Tâm lý học hướng nghiệp*	3	30	15		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
5		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**127**	**203**		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	32031712	Tâm lý học chẩn đoán	3	30	15		
	32038034	Tiếng Anh chuyên ngành	3	15	30	32038094; 32031011	
	32048044	Tâm bệnh học	4	40	20		
		Học phần tự chọn					
	32027037	*Giáo dục giới tính và phương pháp giáo dục giới tính*	2	15	15		
	32038020	*Chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường*	3	30	15		
	32038037	*Giáo dục hòa nhập*	3	30	15		
6		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**181**	**119**		
	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	32031732	Tham vấn	3	30	15	32041726	
	32048041	Thực hành chẩn đoán tâm lý	4	0	60	32031712	
		Học phần tự chọn					
	32028723	*Thực hành chăm sóc sức khoẻ tâm thần học đường*	2	0	60	32038020	
	32038019	*Quản lý hành vi học sinh*	3	30	15	32041726	
	32038047	*Thực hành tâm bệnh học*	3	0	45	32048044	
	32038542	*Đánh giá và can thiệp các rối loạn phát triển*	3	30	15		
7		**Số tín chỉ trong kỳ**	**20**	**112**	**218**		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
	32038042	Thực hành tham vấn	3	0	45	32031732	

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
	32038053	Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	32028026	*Định hình trường hợp*	2	22	8	32048044* 32038047 32031025	
	32038023	*Tâm lý học lâm sàng*	3	30	15		
	32038036	*Thực hành Phương pháp giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống*	3	0	90	32038053	
8		**Số tín chỉ trong kỳ**	**17**	**114**	**186**		
	32031025	Tâm lý học trị liệu	3	30	15	32048044	
	32031718	Tâm lý học gia đình	3	30	15		
	32031727	Tâm lý học quản lý	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	32038025	*Liệu pháp chánh niệm*	3	20	25	32048044* 32028026	
	32038027	*Liệu pháp Doshahou*	3	30	15	32048044* 32028026	
	32038222	*Liệu pháp nhận thức hành vi*	3	30	15	32048044* 32028026	
9		**Số tín chỉ trong kỳ**	**18**	**170**	**100**		
10	32048049	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60		
		Học phần tự chọn					
	32061069	*Khóa luận tốt nghiệp*	6	0	90		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	HIỆU TRƯỞNG
Bùi Chí Thành		PHÓ HIỆU TRƯỞNG
		TS. Phan Đức Tuấn